

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-45
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gang Thép Thái Nguyên thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 996/QĐ-VNS ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 29/06/2017
Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 15/05/2017
Ông Vũ Bá Ôn	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Ngọc Diệp	Ủy viên	
Ông Đinh Quốc Thái	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 29/06/2017
Ông Ngô Đình Khôi	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 29/06/2017
Ông Trịnh Gia Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 20/04/2017
Ông Vũ Hoàng Long	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 15/05/2017
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 15/05/2017
Ông Đoàn Mạnh Trung	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 20/04/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Diệp	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 29/06/2017
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 01/06/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hữu	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ 29/06/2017
Bà Đoàn Thu Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm từ 20/04/2017
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên	
Ông Bùi Quang Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm từ 29/06/2017
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm từ 04/05/2017
Bà Nguyễn Thúy Nga	Thành viên	Bổ nhiệm từ 20/04/2017
Ông Trần Quốc Việt	Thành viên	Bổ nhiệm từ 29/06/2017
Ông Nguyễn Đức Huy	Thành viên	Miễn nhiệm từ 29/06/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đang triển khai Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2" với tổng chi phí đầu tư toàn dự án theo dự toán ban đầu là 3.843,67 tỷ đồng và dự toán điều chỉnh đã được phê duyệt là 8.104,91 tỷ đồng. Dự án được triển khai thực hiện từ năm 2007, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại các hạng mục chính của dự án tại khu vực Lưu Xá vẫn chưa hoàn thành. Tổng chi phí đầu tư của dự án tới thời điểm 30/06/2017 là 4.736,2 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay được vốn hóa là 1.536 tỷ đồng.

Từ năm 2015, Dự án được hỗ trợ vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với số vốn phát hành thêm là 1.000 tỷ đồng, mục đích phát hành tăng vốn để thanh toán cho các hạng mục đầu tư của Dự án cải tạo mở rộng gang thép giai đoạn 2. Tới thời điểm 30/06/2017, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Gang thép đã thông qua chủ trương phát hành tăng vốn điều lệ để bù đắp vốn điều lệ mà Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã thoái nhằm nâng cao khả năng thanh toán hoạt động sản xuất kinh doanh và tiếp tục đầu tư dự án. (Chi tiết tại thuyết minh số 1 và số 11)

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.785.237.746.568	3.875.265.997.150
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	73.586.929.065	50.495.428.226
111	1. Tiền		73.586.929.065	50.495.428.226
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	1.000.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		524.392.024.541	649.854.146.355
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	690.838.275.248	825.265.284.606
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	30.036.196.230	27.354.180.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	26.219.490.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	73.683.149.813	92.013.560.060
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(296.385.086.750)	(294.778.878.311)
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.144.818.341.055	2.143.140.994.569
141	1. Hàng tồn kho		2.145.614.169.390	2.143.936.822.904
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(795.828.335)	(795.828.335)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.440.451.907	31.775.428.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	40.048.274.027	31.215.783.825
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		490.118.811	384.335.171
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.902.059.069	175.309.004
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.117.851.112.624	6.109.275.475.824
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		99.060.355.565	104.602.761.875
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	99.060.355.565	104.602.761.875
220	II. Tài sản cố định		914.563.037.287	981.848.692.326
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	776.469.219.881	834.630.207.184
222	- Nguyên giá		3.401.880.288.867	3.392.006.037.789
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.625.411.068.986)	(2.557.375.830.605)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	138.093.817.406	147.218.485.142
228	- Nguyên giá		218.110.288.765	218.042.288.765
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.016.471.359)	(70.823.803.623)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.762.653.959.141	4.665.496.769.747
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.762.653.959.141	4.665.496.769.747
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	214.674.239.276	219.651.605.492
251	1. Đầu tư vào công ty con		468.846.333.510	468.846.333.510
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		31.179.438.046	39.767.762.492
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		31.612.891.603	23.024.567.157
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(316.964.423.883)	(311.987.057.667)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		126.899.521.355	137.675.646.384
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	126.899.521.355	137.675.646.384
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.903.088.859.192	9.984.541.472.974

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.064.691.141.203	7.208.394.696.669
310	I. Nợ ngắn hạn		3.557.106.397.723	3.824.732.823.976
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	851.634.743.180	743.792.876.347
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	12.850.997.903	15.267.163.302
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	44.278.762.659	43.118.466.996
314	4. Phải trả người lao động		108.816.821.355	169.170.598.203
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	13.593.881.767	10.783.019.113
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		235.766.671	37.348.486
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	249.035.297.542	250.866.400.599
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	2.222.866.140.541	2.535.252.558.395
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	3.344.539.092	4.360.208.374
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		50.449.447.013	52.084.184.161
330	II. Nợ dài hạn		3.507.584.743.480	3.383.661.872.693
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	575.641.409.099	485.320.290.876
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	579.000.000	442.805.820
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	2.869.855.632.832	2.845.728.488.432
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	21	61.508.701.549	52.170.287.565
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.838.397.717.989	2.776.146.776.305
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.838.397.717.989	2.776.146.776.305
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.840.000.000.000	2.840.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.840.000.000.000	2.840.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(41.070.000)	(41.070.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(114.577.135.558)	(114.577.135.558)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		29.908.837.239	29.908.837.239
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		83.107.086.308	20.856.144.624
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.783.999.274	(182.355.417.023)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		62.323.087.034	203.211.561.647
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.903.088.859.192	9.984.541.472.974



Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2017



Hoàng Danh Sơn
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	3.799.108.186.161	4.270.084.942.880
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		58.906.500	180.492.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.799.049.279.661	4.269.904.450.880
11	4. Giá vốn hàng bán	25	3.540.805.615.584	3.911.808.166.796
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		258.243.664.077	358.096.284.084
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	20.825.930.821	34.325.548.582
22	7. Chi phí tài chính	27	94.692.324.478	88.775.458.075
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		86.917.941.080	88.772.021.555
25	8. Chi phí bán hàng	28	26.222.971.700	22.897.336.669
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	109.919.521.620	132.461.689.879
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.234.777.100	148.287.348.043
31	11. Thu nhập khác	30	39.012.981.595	2.779.089.425
32	12. Chi phí khác	31	9.074.432.236	239.157.177
40	13. Lợi nhuận khác		29.938.549.359	2.539.932.248
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		78.173.326.459	150.827.280.291
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	15.850.239.425	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		62.323.087.034	150.827.280.291



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Hoàng Danh Sơn
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		78.173.326.459	150.827.280.291
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		76.231.168.969	74.565.712.011
03	- Các khoản dự phòng		14.906.319.357	49.025.984.132
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.797.017.182	(2.565.897.312)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.731.200.313)	(27.540.252.890)
06	- Chi phí lãi vay		86.917.941.080	88.772.021.555
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		243.294.572.734	333.084.847.787
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		135.437.952.434	(51.690.927.841)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.677.346.486)	229.884.969.875
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		46.417.758.755	43.806.529.659
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.943.634.827	32.176.055.272
14	- Tiền lãi vay đã trả		(87.364.521.080)	(88.898.279.366)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.577.690.217)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(638.000.000)	(331.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		322.836.360.967	498.032.195.386
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.778.322.249)	(22.395.166.791)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	113.234.684
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.219.490.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.078.523.859	27.236.932.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		991.080.711.610	4.954.999.928
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.000.000.000.000)	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.075.905.669.713	3.536.878.596.620
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(3.366.712.759.767)	(4.063.939.641.336)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.400.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.290.825.490.054)	(527.061.044.716)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		23.091.582.523	(24.073.849.402)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		50.495.428.226	86.026.177.439
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(81.684)	(8.213.992)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>73.586.929.065</u>	<u>61.944.114.045</u>



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Hoàng Danh Sơn
Kế toán trưởng




Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gang Thép Thái Nguyên thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 996/QĐ-VNS ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.840.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.840.000.000.000 đồng; tương đương 184.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất các sản phẩm từ kim loại; than cốc và các sản phẩm luyện cốc, các sản phẩm luyện kim, fero, vật liệu chịu lửa, vật liệu xây dựng, đất đèn, hồ điện cực, axetylen, ôxy và các loại khí công nghiệp; Chế biến lương thực, thực phẩm.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2017, do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao nên giá vốn thành phẩm sản xuất trong kỳ tăng tương ứng làm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị sụt giảm so với cùng kỳ dù doanh thu tăng trưởng so với 6 tháng đầu năm 2016.

Thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã thực hiện rút 1.000 tỷ đồng tương đương với 100 triệu cổ phần làm giảm quy mô vốn điều lệ của TISCO xuống còn 1.840 tỷ đồng. Ngày 10/7/2017, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có quyết định số 519/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ năm 2014 cho SCIC.

Đại hội cổ đông bất thường của Công ty ngày 29/06/2017 đã thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bù đắp vốn điều lệ mà Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã thoái nhằm nâng cao khả năng thanh toán hoạt động sản xuất kinh doanh và tiếp tục đầu tư dự án.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Nhà máy Cán thép Lưu Xá	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Sản xuất, mua bán các sản phẩm thép.
- Nhà máy Cán Thép Thái Nguyên	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Sản xuất, mua bán các sản phẩm thép.
- Nhà máy Luyện Gang	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Sản xuất, mua bán các sản phẩm gang, vật liệu xây dựng.
- Nhà máy Luyện Thép Lưu Xá	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Sản xuất, mua bán gang, thép, phôi thép, axetylen.
- Nhà máy Cốc Hoá	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Sản xuất than cốc, các sản phẩm từ than cốc.

- Xí nghiệp Năng Lượng	Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Sản xuất, mua bán khí công nghiệp; Vận hành và truyền tải điện nước công nghiệp...
- Xí nghiệp Vận tải Đường Sắt	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Vận tải hàng hóa đường sắt, sửa chữa, thi công công trình GT đường sắt...
- Mỏ than Phấn Mễ	Thị trấn Giang Tiên, TP Thái Nguyên	Mua bán, tuyển chọn, khai thác than.
- Mỏ sắt Trại Cau	Thị trấn Trại Cau, TP Thái Nguyên	Khai thác, tuyển chọn, mua bán quặng sắt, nguyên liệu phi quặng.
- Mỏ Quắc Zít Phú Thọ	Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	Khai thác, tuyển chọn, kinh doanh quặng quắc zít.
- Mỏ sắt và Cán thép Tuyên Quang	Xã An Tường, Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	Khai thác, buôn bán tuyển chọn quặng sắt, thép cán.
- Mỏ sắt Ngườm Cháng Cao Bằng	Xã Dân Chủ, Huyện Hoà An, Tỉnh Cao Bằng	Khai thác, tuyển chọn, kinh doanh quặng sắt và các sản phẩm được chế biến từ quặng sắt.
- Chi nhánh Hà Nội	Số 17, Hàng Vôi, Hà Nội	Kinh doanh vật liệu xây dựng, kim khí...
- Chi nhánh Nghệ An	Số 22, Nguyễn Sỹ Sách, TP Vinh	Kinh doanh vật liệu xây dựng, kim khí...
- Chi nhánh Đà Nẵng	Số 449, Nguyễn Lương Bằng, Q.Liên Chiểu, Đà Nẵng	Kinh doanh vật liệu xây dựng, kim khí...
- Chi nhánh Thanh Hoá	Số 368, Bà Triệu, TP Thanh Hoá	Kinh doanh vật liệu xây dựng, kim khí...
- Chi nhánh Quảng Ninh	Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh doanh vật liệu xây dựng, kim khí...
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Luyện kim	Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Tư vấn xây dựng, khảo sát, thiết kế, xây lắp, thi công... các công trình mỏ, luyện kim, đường dây, trạm điện...
- Trung tâm dịch vụ	Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Cung cấp dịch vụ cho thuê địa điểm, tổ chức sự kiện
- Mỏ sắt Tiến Bộ	Xóm Làng Phan, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	Khai thác, tuyển chọn, mua bán quặng sắt, nguyên liệu phi quặng, vận tải hàng hóa đường bộ, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại: là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Theo Công văn số 15172/BTC-TCĐN ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính, kể từ năm 2015, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến Dự án đầu tư cải tạo mở rộng gang thép giai đoạn 2 được phân ánh riêng biệt lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá này được phân bổ vào doanh thu hoặc chi phí tài chính khi dự án hoàn thành, thời gian phân bổ không quá 5 năm.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đối với khoản phải thu khó đòi có bảo lãnh của Ngân hàng, Công ty trích lập dự phòng theo Văn bản số 15172/BTC-TCĐN ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính, giữ nguyên số dự phòng đã trích lập đến 31/12/2014, không phải trích lập dự phòng bổ sung từ năm 2015 và các năm tiếp theo.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị của bán thành phẩm tồn kho cuối kỳ. Giá thành của bán thành phẩm được tập hợp và tính toán tại mỗi công đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 - 20	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Từ năm 2007, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2", các chi phí lãi của hợp đồng vay vốn đầu tư dự án phát sinh từ năm 2007 được Công ty ghi nhận vào giá trị đầu tư dự án và được theo dõi riêng biệt với các chi phí lãi vay của hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Đối với các khoản phải trả về chi phí lãi vay được gia hạn trả nợ theo lịch trả nợ từ năm 2014 của Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2", Công ty thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay theo thông báo hàng kỳ của ngân hàng vào giá trị đầu tư của Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2".

Các khoản phải trả về chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định trong kỳ được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo căn cứ theo kế hoạch sửa chữa xây dựng từ đầu kỳ và được bù trừ với chi phí sửa chữa thực tế phát sinh và tập hợp trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang sau khi có quyết toán về đầu tư sửa chữa, xây dựng cơ bản trong kỳ.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	523.441.453	570.035.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.063.487.612	49.925.392.855
	<u>73.586.929.065</u>	<u>50.495.428.226</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	468.846.333.510	(277.098.261.704)	468.846.333.510	(283.468.333.534)
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thái Trung	1.530.000.000	(1.530.000.000)	1.530.000.000	(1.530.000.000)
- Công ty CP Cán thép Thái Trung	467.316.333.510	(275.568.261.704)	467.316.333.510	(281.938.333.534)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	31.179.438.046	(31.179.438.046)	39.767.762.492	(21.018.724.133)
- Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng (1)	31.179.438.046	(31.179.438.046)	31.179.438.046	(19.832.000.000)
- Công ty CP Cơ khí Gang Thép (2)	-	-	8.588.324.446	(1.186.724.133)
Đầu tư vào đơn vị khác	31.612.891.603	(8.686.724.133)	23.024.567.157	(7.500.000.000)
- Công ty CP Tập đoàn Vật liệu chịu lửa	3.423.387.421	-	3.423.387.421	-
- Công ty CP Vận tải Gang thép Thái Nguyên	1.527.714.510	-	1.527.714.510	-
- Công ty CP Hợp kim Sắt Gang thép Thái nguyên	844.433.611	-	844.433.611	-
- Công ty TNHH Nasteelvina	9.729.031.615	-	9.729.031.615	-
- Công ty CP Hợp kim sắt Phú Thọ	7.500.000.000	(7.500.000.000)	7.500.000.000	(7.500.000.000)
- Công ty CP Cơ khí Gang Thép (2)	8.588.324.446	(1.186.724.133)	-	-
	531.638.663.159	(316.964.423.883)	531.638.663.159	(311.987.057.667)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng với giá trị ban đầu là 19.832.000.000 đồng và đánh giá tăng thành 31.179.438.046 đồng theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa năm 2007 của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng đã tạm ngừng hoạt động kể từ 01/01/2013, dự phòng đầu tư tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng được xác định dựa trên đánh giá của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên về mức độ tổn thất tại thời điểm 30/06/2017.

(2) Từ quý 2 năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Gang thép tăng vốn điều lệ doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên không đăng ký mua thêm nên tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên giảm xuống từ 20,97% xuống còn 13,98%. Do đó, khoản đầu tư tài chính vào đơn vị này được phân loại lại từ khoản đầu tư vào công ty liên kết thành khoản đầu tư khác.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thái Trung	Tuyên Quang	51,00%	51,00%	Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; khai thác, chế biến và kinh doanh lâm sản
Công ty CP Cán thép Thái Trung	Thái Nguyên	93,68%	93,68%	Cán thép

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng	Thái Nguyên	39,66%	39,66%	Mua bán, sản xuất phôi thép; cán, kéo thép

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ xem thuyết minh số 37.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Tập đoàn Vật liệu chịu lửa	P. Cam giá - Thái Nguyên	4,64%	4,71%	Sản xuất sản phẩm chịu lửa...
Công ty CP Vận tải Gang thép Thái Nguyên	P. Cam giá - Thái Nguyên	10,32%	10,32%	Vận tải hàng hóa, buôn bán kim loại, phụ tùng ô tô, khai thác quặng sắt...
Công ty CP Hợp kim Sắt Gang thép Thái nguyên	P. Cam giá - Thái Nguyên	6,47%	6,47%	Khai thác quặng kim loại, quặng sắt, bán buôn hợp kim sắt, kim loại, quặng kim loại...
Công ty TNHH Nasteelvina	P. Cam giá - Thái Nguyên	6,80%	6,80%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sắt thép
Công ty CP Hợp kim sắt Phú Thọ	H. Thanh Sơn - Phú Thọ	16,30%	16,30%	Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất kinh doanh hợp kim sắt, gang thép các loại
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Thái Nguyên	13,98%	13,98%	Mua bán, sản xuất gang, thép, kim loại màu, chế phẩm kim loại

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH Lương Thỏ	102.209.664.401	102.209.664.401
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	127.372.235.803	127.372.235.803
Công ty TNHH Thương mại & Du lịch Trung Dũng	251.899.841.715	251.899.841.715
Công ty TNHH Hồng Trang	74.675.235.824	74.675.235.824
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	14.096.238.628	181.802.198.250
Các khoản phải thu khách hàng khác	120.585.058.877	87.306.108.613
	690.838.275.248	825.265.284.606
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	11.011.393.612	8.151.823.254
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP LILAMA Hà Nội	12.998.581.845	-	12.998.581.845	-
Công ty CP LILAMA 10	8.956.837.496	-	8.956.837.496	-
Công ty CP cán thép Thái Trung	6.556.135.389	-	4.034.166.659	-
Trả trước cho người bán khác	1.524.641.500	-	1.364.594.000	-
	30.036.196.230	-	27.354.180.000	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Cán thép Thái Hưng vay phôi (*)	26.219.490.000	-
	26.219.490.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng cho vay phôi thép số 01/HĐV/TIS-TIII ngày 25/05/2017 với các điều khoản như sau:

- + Hình thức vay: vay bằng phôi thép
- + Số lượng phôi thép vay: 12.000 tấn SD295A (+/-10%)
- + Lãi suất: tính theo lãi suất Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đang vay ngắn hạn của Ngân hàng BIDV Thái Nguyên tại từng thời điểm cho vay.
- + Thời gian tính lãi: tính từ ngày cho vay đến ngày hoàn thành trả phôi của từng đợt vay phôi, căn cứ vào biên bản giao nhận phôi ngày vay và phôi trả.
- + Thời gian giao hàng: hai bên tổ chức giao và nhận hàng tại kho bãi của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên từ ngày 25/05/2017 và hoàn thành trong tháng 6 năm 2017.
- + Thời hạn cho vay tính tới điểm trả hàng: hai bên tổ chức giao và nhận hàng tại kho bãi của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên vào cuối tháng 6 và trong tháng 7 năm 2017.
- + Số dư nợ vay tại thời điểm cuối kỳ: 26.219.490.000 đồng tương ứng với 2.621,49 tấn Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng chưa trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.314.215.380	-	19.661.538.926	-
- Tạm ứng	1.514.095.442	-	828.027.544	-
- Ký cược, ký quỹ	1.190.000	-	1.190.000	-
- Phải thu của người lao động về bảo hiểm các loại	552.269.587	-	576.432.176	-
- Các khoản phải thu của bảo hiểm	302.950.125	-	231.966.370	-
- Thuế TNCN tạm trích	320.713.921	-	96.974.267	-
- Tiền phạt và phải thu về thép phế nhập khẩu thiếu, không đảm bảo chất lượng	55.800.615.463	(52.101.520.408)	56.772.428.148	(51.722.331.099)
- Tiền hàng thiếu của các cá nhân Chi nhánh Quảng Ninh	1.043.993.558	(1.043.993.558)	1.043.993.558	(1.043.993.558)
- Ăn ca + bồi dưỡng độc hại	329.465.466	-	225.870.526	-
- Lệ phí trọng tài quốc tế	832.688.273	-	602.477.273	-
- Tiền án phí	444.440.000	-	432.200.000	-
- Phải thu Quỹ văn hóa doanh nghiệp	23.800.000	-	8.200.000	-
- Phải thu Công ty CP Ô tô Vinamotor về tiền thuế TNDN bán bất động sản	920.696.135	-	920.696.135	-
- Phải thu bã thải Công ty TNHH Đại Long Giang	214.501.300	-	306.625.150	-
- Phải thu UBND huyện Đồng Hỷ về tiền sử dụng đất tái định cư Mỏ Trại Cau	8.583.028.500	-	8.583.028.500	-
- Phải thu lại do chỉ quá thỏa ước lao động	402.322.448	-	-	-
- Phải thu khác	1.082.164.215	-	1.721.911.487	-
	73.683.149.813	(53.145.513.966)	92.013.560.060	(52.766.324.657)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	23.757.133.246	-	20.342.817.476	-
- Lợi thế vị trí địa lý trừ vào tiền thuế đất hàng năm	75.303.222.319	-	84.259.944.399	-
	99.060.355.565	-	104.602.761.875	-

9 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	654.771.088.158	358.386.001.408	654.771.088.158	359.992.209.847
- Công ty TNHH Lương Thổ	102.209.664.401	24.184.521.074	102.209.664.401	24.184.521.074
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	127.372.235.803	45.731.116.878	127.372.235.803	45.731.116.878
- Công ty TNHH Thương mại & Du lịch Trung	251.899.841.715	251.899.841.715	251.899.841.715	251.899.841.715
- Công ty TNHH Hồng Trang	74.675.235.824	24.675.235.824	74.675.235.824	24.675.235.824
- Các khoản khác	98.614.110.415	11.895.285.917	98.614.110.415	13.501.494.356
Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu (*)	201.030.859.458	-	201.030.859.458	-
	<u>855.801.947.616</u>	<u>358.386.001.408</u>	<u>855.801.947.616</u>	<u>359.992.209.847</u>

(*) Toàn bộ số tiền 201.030.859.458 đồng là tiền lãi chậm trả tương ứng với khoản công nợ khó đòi của các đối tượng nêu trên. Lãi chậm trả của các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng được ghi tăng khoản mục phải thu khách hàng và phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán theo điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước năm 2013. (Xem thuyết minh số 19)

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.259.781.793.483	-	1.391.678.223.990	-
Công cụ, dụng cụ	11.949.768.967	-	12.552.418.894	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.850.112.804	-	3.329.241.848	-
Thành phẩm	867.733.532.965	(795.828.335)	736.066.546.830	(795.828.335)
Hàng hoá	298.961.171	-	310.391.342	-
	<u>2.145.614.169.390</u>	<u>(795.828.335)</u>	<u>2.143.936.822.904</u>	<u>(795.828.335)</u>

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.758.015.179.553	4.664.265.267.247
- Dự án cải tạo Gang thép giai đoạn II (*)	4.736.204.137.829	4.635.557.956.342
- Dự án mở rộng tầng sáu núi Quặng	1.962.320.005	1.862.970.324
- Đường lò tuyến 9-12	8.626.031.457	12.417.445.963
- Khai thác thăm dò tuyến 12-15 Phấn mễ	3.860.302.428	3.958.932.702
- Công trình khác	7.362.387.834	10.467.961.916
Mua sắm tài sản cố định	-	1.231.502.500
Sửa chữa tài sản cố định	4.638.779.588	-
	<u>4.762.653.959.141</u>	<u>4.665.496.769.747</u>

(*) Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đang triển khai Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2" với tổng chi phí đầu tư toàn dự án theo dự toán ban đầu là 3.843,67 tỷ đồng và theo dự toán điều chỉnh đã được phê duyệt tổng mức đầu tư mới của dự án là 8.104,91 tỷ đồng (theo hợp đồng đã ký kết với nhà thầu chính Công ty China Metallurgical Group Corporation (MCC) số 01#EPC/TISCO-MCC ngày 12/07/2007).

Đến thời điểm 30/06/2017, tổng giá trị đầu tư của dự án đã thực hiện là 4.736,2 tỷ đồng. Trong đó chi phí lãi vay được vốn hóa là 1.536 tỷ đồng, chi phí phát sinh chủ yếu trong năm 2017 là chi phí lãi vay vốn hóa và tiền lương Ban quản lý dự án. Tới thời điểm 30/06/2017, Thủ tướng Chính phủ đang tiếp tục chỉ đạo Bộ Công Thương nghiên cứu các phương án tái cơ cấu lại quá trình đầu tư Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2".

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	990.212.855.614	1.757.331.230.563	476.602.844.364	10.635.689.019	157.223.418.229	3.392.006.037.789
- Mua trong kỳ	-	1.266.502.500	-	-	-	1.266.502.500
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.671.425.187	1.626.464.483	2.309.858.908	-	-	8.607.748.578
Số dư cuối kỳ	994.884.280.801	1.760.224.197.546	478.912.703.272	10.635.689.019	157.223.418.229	3.401.880.288.867
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	671.665.275.361	1.372.528.496.313	361.572.251.582	9.410.510.150	142.199.297.199	2.557.375.830.605
- Khấu hao trong kỳ	14.309.198.142	43.790.351.101	6.684.972.841	243.154.899	3.007.561.398	68.035.238.381
Số dư cuối kỳ	685.974.473.503	1.416.318.847.414	368.257.224.423	9.653.665.049	145.206.858.597	2.625.411.068.986
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	318.547.580.253	384.802.734.250	115.030.592.782	1.225.178.869	15.024.121.030	834.630.207.184
Tại ngày cuối kỳ	308.909.807.298	343.905.350.132	110.655.478.849	982.023.970	12.016.559.632	776.469.219.881

Trong đó:

- Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh là: 996.737.148 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 264.554.688.356 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 943.455.728.273 đồng

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (1)	Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác (2)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	44.163.355.440	2.694.471.997	171.184.461.328	218.042.288.765
- Mua trong kỳ	-	68.000.000	-	68.000.000
Số dư cuối kỳ	44.163.355.440	2.762.471.997	171.184.461.328	218.110.288.765
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	72.473.040	1.260.133.098	69.491.197.485	70.823.803.623
- Khấu hao trong kỳ	-	337.455.554	8.855.212.182	9.192.667.736
Số dư cuối kỳ	72.473.040	1.597.588.652	78.346.409.667	80.016.471.359
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	44.090.882.400	1.434.338.899	101.693.263.843	147.218.485.142
Tại ngày cuối kỳ	44.090.882.400	1.164.883.345	92.838.051.661	138.093.817.406

(1) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất không thời hạn của 04 lô đất tại Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Ninh và Thái Nguyên; Quyền sử dụng đất có thời hạn của 01 lô đất tại Cao Bằng với thời hạn 10 năm. Tất cả các lô đất trên đều được sử dụng phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty.

(2) Tài sản vô hình khác của Công ty bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí bóc đất đá. Trong đó, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Dự án khai thác Tầng sâu Núi Quặng chiếm tỷ trọng lớn nhất với nguyên giá là 110.336.041.442 đồng, giá trị hao mòn cuối kỳ là 92.825.838.193 đồng và khấu hao trong kỳ là 8.840.556.018 đồng. Công ty ghi nhận chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Dự án khai thác Tầng sâu Núi Quặng là tài sản cố định hữu hình theo điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước năm 2014.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	332.302.824	50.986.667
Chi phí bóc đất đá	22.384.684.330	20.189.963.325
Giá trị vật tư thiết bị phân bổ	4.747.438.811	3.435.430.740
Chi phí sửa chữa tài sản	2.061.283.468	2.844.580.593
Chi phí bảo hiểm	946.207.739	1.102.448.915
Chi phí bồi thường và đền bù	4.301.526.901	3.562.288.666
Tiền thuê đất năm 2017	2.280.158.036	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản 2017	2.738.607.502	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	256.064.416	30.084.919
	40.048.274.027	31.215.783.825

b) Dài hạn

Chi phí mua bảo hiểm	129.647.826	269.116.493
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.527.284.504	2.919.739.600
Phụ tùng bị kiện cán thép	69.761.491.897	63.466.493.466
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi, thuê đất	172.141.212	50.064.845
Giá trị thương hiệu	10.604.982.128	13.256.227.682
Chi phí biển quảng cáo	3.210.092.667	3.247.037.501
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4.690.949.449	10.796.820.186
Chi phí bồi thường trượt lở bãi thải tại mỏ than Phấn Mễ	2.719.365.000	5.400.000.000
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng mỏ Tiến Bộ	31.098.413.144	33.563.780.429
Chi phí lập phương án khai thác tuyển 9-12 Phấn Mễ	856.164.834	2.568.494.504
Đường lo sản xuất	-	623.292.042
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.128.988.694	1.514.579.636
	126.899.521.355	137.675.646.384

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Giá trị	nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Tập đoàn luyện kim Trung Quốc MCC	119.864.795.841	119.864.795.841	119.864.795.841	119.864.795.841
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	5.043.967.500	5.043.967.500	159.672.817.700	159.672.817.700
Công ty CP LILAMA 45.3	34.458.870.572	34.458.870.572	32.041.625.550	32.041.625.550
Công ty CP đầu tư & Thương mại tổng hợp Quang Minh	23.877.604.252	23.877.604.252	23.877.604.252	23.877.604.252
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	20.237.364.786	20.237.364.786	20.237.364.786	20.237.364.786
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Phương Tân	10.963.395.300	10.963.395.300	19.045.458.300	19.045.458.300
Công ty TNHH Hiệp Hương	3.053.055.500	3.053.055.500	18.869.174.301	18.869.174.301
Công ty TNHH Thương mại Thành Đạt	39.717.118.100	39.717.118.100	18.740.352.400	18.740.352.400
Công ty CP thiết bị công nghiệp MAKSTEEL	17.811.372.974	17.811.372.974	17.811.372.974	17.811.372.974
Phải trả các đối tượng khác	576.607.198.355	576.607.198.355	313.632.310.243	313.632.310.243
	851.634.743.180	851.634.743.180	743.792.876.347	743.792.876.347

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)				
	<u>50.669.326.560</u>	<u>50.669.326.560</u>	<u>32.668.932.140</u>	<u>32.668.932.140</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi nhánh HTX vận tải ô tô Tân Phú	3.643.300.872	183.626.835
Công ty Cổ phần kinh doanh Thép Hình	1.074.754.290	117.191.085
Công ty CP Thương mại Hiệp Hương	1.067.880.975	4.471.776.902
Công ty CP Dầu tư Thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát	-	2.485.456.592
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Việt Hải	516.497.354	1.935.572.545
Công Ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phương Tân	1.410.000.000	1.410.000.000
Người mua trả tiền trước khác	5.138.564.412	4.663.539.343
	<u>12.850.997.903</u>	<u>15.267.163.302</u>

2017
CÔNG
CH NIỆM
TỔ KIỂM
AAS
KIỂM - T

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	23.866.247.429	64.210.902.415	62.627.664.673	-	25.449.485.171
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	596.328.719	596.328.719	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.997.277.540	15.922.384.775	14.577.690.217	-	5.341.972.098
Thuế Thu nhập cá nhân	124.517.326	47.769.602	1.412.912.422	1.463.144.990	128.710.338	1.730.046
Thuế Tài nguyên	-	9.021.735.047	56.937.023.863	55.615.202.356	-	10.343.556.554
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	50.791.678	1.462.374.545	3.676.931.401	6.785.422.999	1.773.348.731	76.440.000
Thuế bảo vệ môi trường	-	208.926.700	1.274.087.500	1.272.535.500	-	210.478.700
Các loại thuế khác	-	-	24.000.000	24.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.514.136.133	26.540.798.909	28.199.834.952	-	2.855.100.090
	175.309.004	43.118.466.996	170.595.370.004	171.161.824.406	1.902.059.069	44.278.762.659

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	2.138.403.000	2.584.983.000
- Trích trước tiền điện	4.764.738.210	7.422.439.882
- Trích trước bồi dưỡng hiện vật	407.589.787	443.390.377
- Trích trước chi phí sửa chữa tài sản	6.075.698.517	-
- Chi phí phải trả khác	207.452.253	332.205.854
	13.593.881.767	10.783.019.113
b) Dài hạn		
- Chi phí lãi vay Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2"	575.641.409.099	485.320.290.876
	575.641.409.099	485.320.290.876

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	692.508.877	1.079.707.629
- Bảo hiểm xã hội	636.326.452	335.591.482
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	97.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	169.780.000	188.180.000
- Quỹ thoả ước lao động tập thể	2.797.079.735	5.740.007.716
- Tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.119.468.000	1.525.838.000
- Quỹ xã hội từ thiện, văn hóa xã hội	579.541.386	106.165.793
- Quy trách nhiệm tiền hàng thiếu	568.486.364	773.362.315
- Thuế TNDN nhà thầu	168.572.834	168.572.834
- Phải trả UBND tỉnh Thái Nguyên giá trị Hồ Bản Cờ (1)	10.188.115.550	10.188.115.550
- Tiền ăn ca, bồi dưỡng	543.655.834	568.931.409
- Thu tiền khu tái định cư	725.345.000	607.500.000
- Đối ứng Lãi chậm trả phải thu Công ty đã ghi nhận (2)	5.501.682.435	5.501.682.435
- Đối ứng Lãi chậm trả phải thu theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước (2)	195.529.177.023	195.529.177.023
- Tiền đặt cọc tiền hàng	6.004.854.633	120.000.000
- Thuế thu nhập các nhân phải trả	202.489.294	202.489.294
- Phải thu BHXH chưa quyết toán	145.745.620	41.222.600
- Chiết khấu thương mại phải trả nhà phân phối	22.942.558.580	27.371.593.060
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	519.909.925	720.763.459
	249.035.297.542	250.866.400.599
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	579.000.000	442.805.820
	579.000.000	442.805.820

(1) Giá trị đầu tư Hồ Cửa làng và Hồ Bản cờ nhận bàn giao từ UBND tỉnh Thái Nguyên để quản lý và khai thác phục vụ cho hoạt động sản xuất của Mô Sắt Tiến Bộ.

(2) Lãi chậm trả của các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng ghi tăng khoản mục phải thu khách hàng và phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán. (Xem thuyết minh số 9)

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngân hàng	2.084.292.091.969	2.084.292.091.969	3.084.207.099.584	3.320.126.944.863	1.848.372.246.690	1.848.372.246.690
- Nợ dài hạn đến hạn trả	450.960.466.426	450.960.466.426	1.153.844.800	77.620.417.375	374.493.893.851	374.493.893.851
	2.535.252.558.395	2.535.252.558.395	3.085.360.944.384	3.397.747.362.238	2.222.866.140.541	2.222.866.140.541
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	3.296.688.954.858	3.296.688.954.858	4.563.980.487	56.903.408.662	3.244.349.526.683	3.244.349.526.683
	3.296.688.954.858	3.296.688.954.858	4.563.980.487	56.903.408.662	3.244.349.526.683	3.244.349.526.683
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(450.960.466.426)	(450.960.466.426)	(1.153.844.800)	(77.620.417.375)	(374.493.893.851)	(374.493.893.851)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2.845.728.488.432	2.845.728.488.432			2.869.855.632.832	2.869.855.632.832

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại 30/06/2017

STT	Số hợp đồng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Thái Nguyên						
	01/2015/469084/HĐTD ngày 03/08/2015	7,0%	05 tháng	900.000.000.000 VND	691.966.358.054	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
2	Ngân hàng INDOVINA - Chi nhánh Đồng Đa						
	2046/IVBDD-HDHM/2014 ngày 14/05/2014	7,5%	6 tháng	15.000.000 USD	65.211.403.909	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá						
	Số 01/2016-HĐTDHM/NHCT224-GANGTHEP	7,0%	05 tháng	700.000.000.000 VND	694.041.162.628	Phục vụ sản xuất	Một phần thế chấp
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên						
	24761.16.090.454254.TD ngày 29/06/2016	7,0%	06 tháng	350.000.000.000 VND	274.056.960.616	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
	01/2015-HĐTDHM/NHCT220-TISCO ngày 27/07/2015	7,0%	05 tháng	200.000.000.000 VND	123.096.361.483	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
	Tổng cộng				1.848.372.246.690		

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn tại 30/06/2017

Ngân hàng - Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Loại tiền vay	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 30/06/2017		Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017		Phương thức đảm bảo
						Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên										
390-82-000-524-478	15/06/2011	Tăng sâu núi quặng	60	10,50%	VND		16.769.372.610		10.600.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
390-82-000-645-953	15/08/2014	Góp vốn điều lệ tại Công ty CP Cán thép Thái Trung	60	10,50%	VND		105.122.826.994		23.360.630.078	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên										
LD1702308219	23/01/2017	Động cơ 1 chiều: Nhà máy cán Lưu Xá	60	9,40%	VND		709.200.000		96.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
MB1636350310	28/12/2016	Đồng hồ đo lưu lượng ô xy - XN năng lượng	48	9,40%	VND		262.281.250		37.468.750	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
MB1636303460	28/12/2016	Máy nén khí nhà máy luyện thép	48	9,40%	VND		446.600.000		63.800.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
MB1635535441	20/12/2016	Hệ thống máy chủ và tường lửa	48	9,40%	VND		321.125.000		45.875.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	22/08/2013	04 máy thô cách ly W-70: Phần Mề	48	11,40%	VND		13.156.000		13.156.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
120.14.090.454254	03/06/2014	ĐA Lò tinh luyện 40T - NM Luyện thép	60	13,60%	VND		3.598.800.000		899.700.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	04/07/2014	Máy cắt SF6 cao áp - XN Năng Lượng	48	12,20%	VND		192.500.000		77.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	30/09/2014	02 Máy điều hòa LG - N/m Luyện thép	48	12,50%	VND		20.000.000		8.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	25/11/2014	Máy nghiền hãm - Mỏ sắt Trại cau	45	12,20%	VND		147.000.000		49.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	22/08/2013	Máy nén khí - XN Năng Lượng	48	10,20%	VND		245.850.000		81.950.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
120.14.090.454254.TD	04/07/2014	ĐA Lò LF - Nm Luyện thép	60	12,50%	VND		181.350.000		40.300.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Chi nhánh Thái Nguyên										
01/2008/PLHD	24/01/2008	Đầu tư cải tạo mở rộng Gang thép Giai đoạn I	240	0,00%	USD	3.829.000	87.186.330.000	765.800	17.437.266.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn tại 30/06/2017

Ngân hàng - Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Loại tiền vay	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 30/06/2017		Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017		Phương thức đảm bảo
						Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Chi nhánh Thái Nguyên										
HD số 21/2006/HĐTD ngày 13/05/2006	13/05/2006	Vay vốn để thực hiện dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên	180	7,8%-9,6%	VND		1.161.517.386.731		136.744.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội									-	
HD số 01/2010/HĐTD-TISCO ngày 25/01/2010	25/01/2010	Vay vốn để thực hiện dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên	174	5,50%	USD	72.175.392	1.644.155.432.950	7.217.539	164.415.543.295	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
HD số 01/2010/HĐTD-TISCO ngày 25/01/2010	25/01/2010	Vay vốn để thực hiện dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên	174	9,50%	VND		223.242.047.278		20.524.204.728	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên										
HD số 01/15/469084/HĐTD ngày 16/09/2015	16/09/2015	Vay vốn để thực hiện dự án đầu tư cải tạo mở rộng công trình khai thác than mở hầm lò mức 0-200 từ tuyến IX-XII khu Nam Láng Cẩm - Mỏ than Phấn Mễ	96	10,50%	VND		218.267.870		-	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
		Tổng cộng					3.244.349.526.683		374.493.893.851	

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí chấm dứt hợp đồng lao động	3.344.539.092	4.360.208.374
	<u>3.344.539.092</u>	<u>4.360.208.374</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí phục hồi môi trường	20.714.997.863	18.966.473.769
- Chi phí sử dụng tài liệu địa chất	7.326.048.349	4.818.095.299
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	33.467.655.337	28.385.718.497
	<u>61.508.701.549</u>	<u>52.170.287.565</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.840.000.000.000	(41.070.000)	(93.990.228.076)	29.908.837.239	(182.355.417.023)	2.593.522.122.140
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	150.827.280.291	150.827.280.291
Tăng khác (1)	-	-	16.045.484.486	-	-	16.045.484.486
Số dư cuối kỳ trước	2.840.000.000.000	(41.070.000)	(77.944.743.590)	29.908.837.239	(31.528.136.732)	2.760.394.886.917
Số dư đầu năm nay	2.840.000.000.000	(41.070.000)	(114.577.135.558)	29.908.837.239	20.856.144.624	2.776.146.776.305
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	62.323.087.034	62.323.087.034
Giảm vốn trong kỳ này (2)	(1.000.000.000.000)	-	-	-	-	(1.000.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(72.145.350)	(72.145.350)
Số dư cuối kỳ này	1.840.000.000.000	(41.070.000)	(114.577.135.558)	29.908.837.239	83.107.086.308	1.838.397.717.989

(1) Theo Công văn số 15172/BTC-TCĐN ngày 26/10/2015, Bộ Tài chính đồng ý các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm của Dự án Mở rộng, cải tạo Gang thép giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên được phản ánh lũy kế riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán, khi nào dự án hoàn thành đưa vào sử dụng thì toàn bộ chênh lệch tỷ giá nói trên được phân bổ dần vào doanh thu hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm.

(2) Thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã thực hiện rút 1.000 tỷ đồng tương đương với 100 triệu cổ phần làm giảm quy mô vốn điều lệ của TISCO xuống còn 1.840 tỷ đồng. Ngày 10/07/2017, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có quyết định số 519/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ năm 2014 cho SCIC.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.196.000.000.000	65,00%	1.196.000.000.000	42,11%
Tổng Công ty Quản lý vốn Nhà nước	-	0,00%	1.000.000.000.000	35,21%
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	368.000.000.000	20,00%	-	0,00%
Các cổ đông khác	275.889.000.000	14,99%	643.889.000.000	22,67%
Cổ phiếu quỹ	111.000.000	0,01%	111.000.000	0,00%
	1.840.000.000.000	100%	2.840.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.840.000.000.000	2.840.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	2.840.000.000.000	2.840.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	(1.000.000.000.000)	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.840.000.000.000	2.840.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	184.000.000	284.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	184.000.000	284.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	184.000.000	284.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	11.100	11.100
- Cổ phiếu phổ thông	11.100	11.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	183.988.900	283.988.900
- Cổ phiếu phổ thông	183.988.900	283.988.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	29.908.837.239	29.908.837.239
	29.908.837.239	29.908.837.239

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	23.047,20	23.047,20

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
	4.033.133.561	4.033.133.561

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.799.108.186.161	4.270.084.942.880
	3.799.108.186.161	4.270.084.942.880
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	40.597.074.214	43.384.041.980

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.540.805.615.584	3.911.808.166.796
	3.540.805.615.584	3.911.808.166.796

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.731.200.313	27.452.598.702
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.948.136.873	4.120.445.772
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	66.542.162	335.025
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	2.565.897.312
Doanh thu hoạt động tài chính khác	80.051.473	186.271.771
	20.825.930.821	34.325.548.582

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	86.917.941.080	88.772.021.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.797.017.182	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.977.366.216	-
Chi phí tài chính khác	-	3.436.520
	94.692.324.478	88.775.458.075

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.875.731.508	1.425.563.689
Chi phí nhân công	7.949.619.294	7.125.173.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.155.331	121.150.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.445.420.082	1.762.311.160
Chi phí khác bằng tiền	14.840.045.485	12.463.138.188
	26.222.971.700	22.897.336.669

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.359.542.585	5.369.722.220
Chi phí nhân công	53.949.588.857	42.119.480.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.291.030.995	5.577.319.111
Thuế, phí, lệ phí	13.517.907.937	10.051.957.773
Chi phí dự phòng	1.606.208.439	26.725.384.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.697.002.242	4.224.588.093
Chi phí khác bằng tiền	25.498.240.565	38.393.237.772
	109.919.521.620	132.461.689.879

30 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	87.654.188
Tiền phạt thu được	1.025.000.000	1.886.818.666
Thu nhập từ kiểm kê thừa kho than	31.942.065.500	-
Thu nhập từ bán đất lẫn than	5.208.181.818	-
Phí thực tập	65.976.000	35.000.000
Cho thuê mặt bằng, kho bãi	223.009.086	176.391.065
Công suất phân kháng	451.901.480	215.103.287
Công nợ xóa sổ	-	167.687.592
Thu nhập khác	96.847.711	210.434.627
	39.012.981.595	2.779.089.425

31 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	58.804.586	98.629.477
Chi phí hướng dẫn học sinh thực tập	46.565.000	27.225.000
Khấu hao không được tính thuế	20.163.860	15.724.943
Thuế, phí môi trường	8.546.271.558	-
Công suất phân kháng	151.453.000	-
Chi phí khác	251.174.232	97.577.757
	9.074.432.236	239.157.177

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.173.326.459	150.827.280.291
Các khoản điều chỉnh tăng	1.077.870.667	-
- Chi phí không hợp lệ	1.077.870.667	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(150.827.280.291)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(150.827.280.291)
Thu nhập chịu thuế TNDN	79.251.197.126	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.850.239.425	-

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.167.409.536.098	3.661.783.962.777
Chi phí nhân công	267.820.082.739	241.647.527.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.231.168.969	74.565.712.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.266.252.763	32.101.663.220
Chi phí khác bằng tiền	269.408.925.426	273.096.537.262
	3.811.135.965.995	4.283.195.402.567

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.586.929.065	-	50.495.428.226	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	863.581.780.626	(296.385.086.750)	1.021.881.606.541	(294.778.878.311)
Các khoản cho vay	26.219.490.000	-	1.000.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	31.612.891.603	(8.686.724.133)	23.024.567.157	(7.500.000.000)
	995.001.091.294	(305.071.810.883)	2.095.401.601.924	(302.278.878.311)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	5.092.721.773.373	5.380.981.046.827
Phải trả người bán, phải trả khác	1.101.249.040.722	995.102.082.766
Chi phí phải trả	589.235.290.866	496.103.309.989
	6.783.206.104.961	6.872.186.439.582

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Đầu tư dài hạn	-	-	22.926.167.470	22.926.167.470
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.926.167.470</u>	<u>22.926.167.470</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư dài hạn	-	-	15.524.567.157	15.524.567.157
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.524.567.157</u>	<u>15.524.567.157</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.586.929.065	-	-	73.586.929.065
Phải thu khách hàng, phải thu khác	468.136.338.311	99.060.355.565	-	567.196.693.876
Các khoản cho vay	26.219.490.000	-	-	26.219.490.000
	<u>567.942.757.376</u>	<u>99.060.355.565</u>	<u>-</u>	<u>667.003.112.941</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.495.428.226	-	-	50.495.428.226
Phải thu khách hàng, phải thu khác	622.499.966.355	104.602.761.875	-	727.102.728.230
Các khoản cho vay	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
	<u>1.672.995.394.581</u>	<u>104.602.761.875</u>	<u>-</u>	<u>1.777.598.156.456</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	2.222.866.140.541	2.122.096.640.742	747.758.992.090	5.092.721.773.373
Phải trả người bán, phải trả khác	1.100.670.040.722	579.000.000	-	1.101.249.040.722
Chi phí phải trả	13.593.881.767	575.641.409.099	-	589.235.290.866
	<u>3.337.130.063.030</u>	<u>2.698.317.049.841</u>	<u>747.758.992.090</u>	<u>6.783.206.104.961</u>

Tại ngày 01/01/2017

Vay và nợ	2.535.252.558.395	2.097.969.496.342	747.758.992.090	5.380.981.046.827
Phải trả người bán, phải trả khác	994.659.276.946	442.805.820	-	995.102.082.766
Chi phí phải trả	10.783.019.113	485.320.290.876	-	496.103.309.989
	3.540.694.854.454	2.583.732.593.038	747.758.992.090	6.872.186.439.582

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thép, các hoạt động chủ yếu của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		40.597.074.214	43.384.041.980
Công ty CP Cán thép Thái Trung	Công ty con	299.777.064	957.459.202
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	12.891.257.000	23.120.620.578
Công ty CP Kim khí Hà Nội	(*)	27.406.040.150	19.305.962.200
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		429.422.486.459	924.440.010.379
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	187.004.193.504	214.457.674.818
Công ty CP Cán thép Thái Trung	Công ty con	124.128.557.060	394.591.171.561
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung	(*)	59.144.867.947	263.605.170.000
Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung	(*)	59.144.867.947	51.785.994.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		11.011.393.612	8.151.823.254
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	5.086.805.660	2.221.029.456
Công ty CP Cán thép Thái Trung	Công ty con	44.112.168	50.318.014
Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng	Công ty liên kết	5.880.475.784	5.880.475.784
Ứng trước cho nhà cung cấp		6.556.135.389	4.034.166.659
Công ty CP Cán thép Thái Trung	Công ty con	6.556.135.389	4.034.166.659
Phải thu về lãi vay ứng trước tiền hàng		1.125.545.154	1.125.545.154
Công ty CP Cán thép Thái Trung	Công ty con	1.125.545.154	1.125.545.154

Phải trả tiền hàng		50.669.326.560	32.668.932.140
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	42.920.531.227	32.668.932.140
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung	(*)	7.748.795.333	-

(*) Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP, Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP là đơn vị có vốn góp 1.196.000.000.000 đồng tương ứng với 65% tại Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	882.212.000	794.768.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Hoàng Danh Sơn
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2017